

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Diệp;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc H1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Huỳnh Đông H2**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và anh Huỳnh Đông H2 sống

chung và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/9/2019. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân trở nên trầm trọng vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Ngọc H1 yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Đông H2.

- Về con chung: có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 30/08/2021.

Hiện nay con đang sống cùng vợ chồng tại xã Phương T, huyện Cao L. Khi ly hôn, chị H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Bảo T yêu cầu anh Đông H2 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Đông H2 trình bày trong biên bản hoà giải ngày 01/11/2023: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H1 là đúng nhưng vì còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn anh Đông H2 yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo T và yêu cầu chị Ngọc Huyền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tờ tự khai (bản chính);

- Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Ngọc H1, Huỳnh Đông H2 (bản photo);

- Giấy khai sinh tên Huỳnh Ngọc Bảo Trâm (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

NDŨNG ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 về việc yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Đông H2, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*” được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại Ấp A, xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Huỳnh Đông H2 dù đã được triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Đông H2 và chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị H1 và anh H2 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/9/2019 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị Ngọc H1 yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đông H2 cho rằng vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn, muốn có thời gian để hàn gắn tình cảm, chung sống nuôi con nhưng cả hai không bên nào có thiện chí hay động thái nào thể hiện cố hàn gắn hay ngồi lại chia sẻ tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Về con chung: có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 30/8/2021.

Hiện nay con chung đang sống chung với vợ chồng, xét thấy cháu Huỳnh Ngọc Bảo T sinh năm 2021 tính đến ngày xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, điều 81 Luật hôn nhân gia đình để con cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo T. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H1 đối với anh Đông H2 2.000.000đồng/tháng nhưng chưa đưa ra chứng cứ chứng minh khả năng kinh tế thực đủ khả năng ở mức mà chị yêu cầu nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét buộc anh Huỳnh Đông H2 thực hiện nghĩa vụ ở mức bình quân $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở cho một tháng cấp dưỡng. Với phân tích như trên xét yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng của anh Huỳnh Đông H2 không có căn cứ để chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp theo biên lai số 0004490 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Huỳnh Đông H2 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 được ly hôn với anh Huỳnh Đông H2.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc H1 được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo T sinh ngày 30/8/2021; anh Huỳnh Đông H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi cháu Huỳnh Ngọc Bảo T đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Đông H2 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí mà chị H1 đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0004490 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+Anh Huỳnh Đông H2 phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang